

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XM
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/HS-ST

Ngày: 17/9/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Phùng Thị Khánh Vân.

Bà Nguyễn Thị Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Thùy – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 63/2020/HSST ngày 07 tháng 8 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2020/QĐXXST - HS ngày 14 tháng 8 năm 2020; quyết định hoãn phiên tòa số 31/2020/HSST - QĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Bùi Trần Quốc T (tên gọi khác: N), sinh năm: 1990 tại Bà Rịa – Vũng Tàu;

Nơi cư trú: Ấp LG, xã BC, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Bốc vác; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn B, sinh năm: 1953 và bà Trần Thị N, sinh năm: 1955; bị cáo có vợ tên Trần Thị Yên N, sinh năm: 1996, có 01 con sinh năm 2018;

Tiền sự: Không.

Tiền án: Không.

Bị cáo được tại ngoại: Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

“Bị cáo có mặt”.

2. Lương Văn T (tên gọi khác: C), sinh năm: 1999 tại Bà Rịa – Vũng Tàu;

Nơi cư trú: Ấp LG, xã BC, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Bốc vác; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn T, sinh năm: 1974 và bà Bùi Thị Thùy D, sinh năm: 1979; bị cáo chưa có vợ con;

Tiền sự: Không.

Tiền án: Không.

Bị cáo được tại ngoại: Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú.

“Bị cáo có mặt”.

Bị hại:

- Bà Nguyễn Thị Thúy O, sinh năm 1983 và ông Quách Phi H, sinh năm: 1985; nơi cư trú: Ấp BL, xã BC, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu “vắng mặt”.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Ngô Thị L (Bé B), sinh năm: 1984; nơi cư trú: Ấp TB 2, xã BC, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu “vắng mặt”.

- Ông Lý Minh N, sinh năm: 1996; nơi cư trú: : Ấp TN, xã BC, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu “vắng mặt”.

- Bà Bùi Thị Thùy D, sinh năm: 1979; nơi cư trú: Ấp LG, xã BC, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu “vắng mặt”.

- Ông Lê Minh T, sinh năm: 1991; nơi cư trú: Ấp BT, xã BC, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu “vắng mặt”.

Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Xuân B (C), sinh năm: 1997; nơi cư trú: Ấp BL, xã BC, huyện huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lương Văn T, làm nghề bốc vác tại Cảng cá xã BC, huyện XM, khoảng 5 giờ chiều ngày 01/12/2018 trong lúc bốc sò để cân cho bà Ngô Thị L (Bé B), T đã nhặt một con sò từ bao rơi ra, bỏ vào túi của mình thì bị Bé B chửi mắng, T bực tức lấy con sò trong túi ra bẻ làm hai vút xuống sông, nên bị Bé B dùng tay đánh vào mặt, T né được và dùng tay đánh lại Bé B, lúc này nhóm người nhà của Bé B trong đó có Nguyễn Thị Thúy O, là chị gái của Bé B và những người làm công cho Thúy Oanh xông vào đánh T. Thấy vậy, Bùi Trần Quốc T là cậu của T đang bốc vác gần đó vào can ngăn nhưng cũng bị nhóm của bà O đuổi đánh. T và T bỏ chạy về nhà. Bực tức do bị đánh nên T đã gọi điện cho một số người bạn ra cảng cá để đánh lại nhóm người nhà của Bé B nhưng không đánh được vì không có ai còn ở cảng. Khoảng 17 giờ cùng ngày T gọi điện rủ Nguyễn Hồng Tin, sinh năm 1993, ở ấp Khu 1, xã BC; Chu Văn Nam, sinh năm 1993, ở ấp TN, xã BC; Lê Minh T, sinh năm 1991, trú tại ấp BT, xã BC; Trần Văn Quý, sinh năm 1995, trú tại ấp TN, xã BC, Lý Minh N, sinh năm 1996, trú tại ấp TN, xã BC đi đánh vợ chồng bà O và những người làm của bà O, mọi người đều đồng ý hẹn nhau tại Ngã 3 chợ cũ (khu Bàu Sen), sau đó T điều khiển xe mô tô mang theo 02 dao rựa đến nhà T để chờ T đến nhà bà O, T đồng ý và điều khiển xe mô tô hiệu LXMOTO biển số 72V2 - 2466 chở T cầm theo 02 dao rựa: một dao dài khoảng 60cm (cán gỗ dài 20cm, lưỡi bằng kim loại dài 40cm), một dao dài khoảng 100cm (cán gỗ dài 70cm, lưỡi bằng kim loại dài 30cm) tới nhà bà O để đánh nhau. Khi đến khu vực Bàu Sen, T xuống xe rủ mọi người đến nhà của bà O đánh nhau. T nghe vậy không cho nhóm bạn của T đi cùng, mà kêu T lên xe, T chở đi, khi đến đường hẻm vào nhà bà O, T dựng xe mô tô ở ngoài, rồi cùng T mỗi người cầm 01 dao rựa đi thẳng tới nhà bà O, trên đường đi T nhặt thêm 01 cục gạch tô bằng hai nắm tay. Khi hai người đến trước nhà bà O thì thấy không có ai ở nhà, đèn điện bật sáng, cửa nhà và cửa cổng khóa. T đứng

ngoài đường ném viên gạch vào cửa chính, T đập bung cửa cổng, cả hai đi vào, T dùng rựa chém 02 nhát vào cửa sổ và 02 nhát vào cửa chính, T dùng rựa chém 02 nhát vào cửa chính làm bể kính và hư hỏng khung nhôm của cửa sổ và cửa chính, rồi bỏ về khi ra gần đến khu vực để xe thì gặp Tâm, Tin, Nhân, Nam, Quý đang đi vào, T và T nói mọi người đi về. T điều khiển xe chở T cầm dao chạy trước, trên đường đi T ném 02 con dao vào bụi cỏ ven đường nông thôn thuộc xóm Nghĩa Bình, ấp BL, xã BC nhưng không rõ địa điểm.

Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày bà O về nhà thấy cửa nhà bị đập phá, đến ngày 28/01/2019 bà O làm đơn tố cáo sự việc tới Công an xã BC, ngoài ra bà O còn nêu do cửa nhà bị phá nên bà bị mất 72.600.000đ để trên kết sắt trong phòng ngủ.

Sau khi tiếp nhận đơn của bà O, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh hiện trường, xác định thiệt hại gồm: 02 cánh cửa chính khung làm bằng nhôm Đài Loan kích thước 2,03m x 1,03m, bị 04 vết chém dài 08cm vào khung cửa; 02 cánh cửa sổ, khung cửa bằng nhôm Đài Loan kích thước 0,84m x 1,05m bị 02 vết chém vào khung nhôm dài 07cm; 04 tấm kính ô ly kích thước 0,42m x 1,0m và 0,33m x 0,95m bị bể hoàn toàn.

Căn cứ Kết luận định giá số 12a/KL - HĐĐG ngày 09/5/2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự UBND huyện XM, xác định thiệt hại tại thời điểm xảy ra vụ án là 2.597.500đ.

Vật chứng trong vụ án:

Đối với xe mô tô hiệu LXMOTO biển số 72V2 - 2466 mà T và T sử dụng làm phương tiện đi phạm tội là của bà Bùi Thị Thùy D, sinh năm 1979, địa chỉ: ấp LG, xã BC, bà D không biết việc các bị cáo sử dụng làm phương tiện đi gây án. Sau khi thu giữ, Cảnh sát điều tra đã trả lại xe cho bà D;

Đối với 02 dao rựa sau khi gây án, T đã vứt vào bụi cỏ trên đường giao thông nông thôn thuộc xóm Nghĩa Bình, ấp BL, xã BC nhưng Cơ quan Cảnh sát điều tra đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

Trách nhiệm dân sự: Bị cáo T và T đã thỏa thuận bồi thường xong cho bà O số tiền 25.000.000đ, sau khi nhận đủ tiền bồi thường bà O không yêu cầu bồi thường gì thêm và có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố.

Bản cáo trạng số 67/CT-VKS - XM ngày 04 tháng 8 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện XM truy tố các bị cáo Bùi Trần Quốc T (N) và Lương Văn T (C) về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự 2015.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 65, điểm b, h, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Bùi Trần Quốc T (N): từ 04 (bốn) tháng đến 05 (năm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 1 (một) năm kể từ ngày tuyên án.

- Khoản 1 Điều 178 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 38, điểm b, h, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lương Văn T (C): từ 04 (bốn) tháng đến 06 (sáu) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Nguyễn Thị Thúy O và ông Quách Phi H đã nhận số tiền bồi thường 25.000.000đ từ các bị cáo nên không yêu cầu gì thêm.

Về xử lý vật chứng: Đối với xe mô tô hiệu LXMOTO biển số 72V2-2466 mà bị cáo T và bị cáo T sử dụng làm phương tiện đi phạm tội là của bà Bùi Thị Thùy D, bà D không biết việc các bị cáo sử dụng làm phương tiện đi gây án. Sau khi thu giữ, Cảnh sát điều tra đã trả lại xe cho bà D là phù hợp với quy định của pháp luật;

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

- Bị cáo Bùi Trần Quốc T nói lời sau cùng: Bản thân bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đã thành khẩn khai báo ăn năn hối C, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị cáo Lương Văn T nói lời sau cùng: Bản thân bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật đã thành khẩn khai báo ăn năn hối C, bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định truy tố: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện XM, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa đối chiếu với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và những người tham gia tố tụng khác cũng như những tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ là phù hợp. Theo đó xác định được rằng:

Do có mâu thuẫn từ trước với bà Nguyễn Thị Thúy O và ông Quách Phi H, nên khoảng 17 giờ, ngày 01/12/2018 bị cáo Lương Văn T (C) và Bùi Trần Quốc T (N) cầm dao rựa đến nhà bà O, ông H để đánh nhau nhưng bà O và ông H đi vắng nên các bị cáo đã có hành vi dùng gạch ném vào cửa chính, dùng dao rựa chém vào cửa chính và cửa sổ nhà bà O. Cụ thể: Bị cáo T ném gạch vào cửa chính, T đập bung cửa cổng, cả hai đi vào, bị cáo T dùng rựa chém 02 nhát vào cửa sổ và 02 nhát vào cửa chính; bị cáo T dùng rựa chém 02 nhát vào cửa chính làm bể và hư hỏng khung nhôm cửa sổ và cửa chính.

Theo kết luận định giá tài sản số 12a/KL – HĐĐG ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện XM, kết luận tại thời

điểm xảy ra vụ án là: 2.597.500đ (hai triệu năm trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Như vậy hành vi của các bị cáo nêu trên có đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Từ đó cho thấy bản cáo trạng số 67/CT-VKS - XM ngày 04 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện XM truy tố các bị cáo Bùi Trần Quốc T (N) và Lương Văn T (C) về tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của các bị cáo: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật B vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng không có ý thức chấp hành quy định của pháp luật và tôn trọng quyền sở hữu tài sản của người khác nên các bị cáo vẫn cố ý phạm tội.

Đây là vụ án đồng phạm nhưng tính chất giản đơn, các bị cáo phạm tội không có sự chuẩn bị trước, giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ. Bị cáo T là người khởi xướng, rủ rê việc phạm tội và thực hành tích cực nên giữ vai trò chính, bị cáo T có vai trò sau bị cáo T. Vì vậy hình phạt đối với các bị cáo phải tương xứng với tính chất, vai trò của từng bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại và bị hại có đơn xin bãi nại cho các bị cáo nên áp dụng điểm b, h, i, s Khoản 1 Khoản 2 Điều 51, của Bộ luật Hình sự năm 2015 để cân nhắc giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

[6] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, xét thấy, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo T, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội là không cần thiết. Vì ngoài các tình tiết giảm nhẹ như trên thì bị cáo T cũng như bị cáo T còn có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự C tạo và có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ – HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 về án treo. Do đó, không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội cũng như công tác đấu tranh phòng chống tội phạm chung tại địa phương.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại bà Nguyễn Thị Thúy O và ông Quách Phi H đã nhận số tiền bồi thường 25.000.000đ từ các bị cáo và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng:

- 01 xe máy hiệu LXMOTO biển số 72V2-2466 mà bị cáo T và bị cáo T sử dụng làm phương tiện phạm tội là của bà Bùi Thị Thùy D, bà D không biết việc

các bị cáo sử dụng làm phương tiện đi gây án. Sau khi thu giữ, Cảnh sát điều tra đã trả lại xe cho bà D là phù hợp với quy định của pháp luật.

[9] Đối với việc bà Nguyễn Thị Thúy O nêu bị mất 72.600.000đ để trên kết sắt trong phòng ngủ, Cơ quan cảnh sát điều tra đã áp dụng các biện pháp điều tra nhưng không đủ căn cứ xác định bà O có mất số tiền nói trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Đối với Nguyễn Hồng Tin, Chu Văn Nam, Lê Minh T, Trần Văn Quý và Lý Minh N được bị cáo T rủ đến nhà đánh bà O nhưng sau đó bị cáo T đã không đồng ý cho đi cùng, việc bị cáo T và bị cáo T dùng dao chém cửa nhà của bà O, những người có tên nêu trên không có mặt tại hiện trường nên không xem xét xử lý hình sự với vai trò đồng phạm là phù hợp với quy định của pháp luật.

[11] Đối với hành vi của bị cáo T và bị cáo T mang theo dao rựa, mục đích đến đánh nhau với vợ chồng bà O nhưng trước khi đi giữa bị cáo T và bị cáo T không bàn bạc sẽ thống nhất gây thương tích như thế nào, khi đến không thấy vợ chồng bà O ở nhà nên bị cáo T và bị cáo T đã dùng rựa chém vào cửa gây thiệt hại tài sản. Hành vi của các bị cáo đã bị xử về tội: Cố ý làm hư hỏng tài sản, nên không xem xét trách nhiệm hình sự về hành vi chuẩn bị phạm tội cố ý gây thương tích, quy định tại khoản 6 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng quy định pháp luật.

[12] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[13] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Trần Quốc T (N) và Lương Văn T (C) phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 178, Điều 65, điểm b, h, i, s, Khoản 1 Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo: Bùi Trần Quốc T (N) 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án (17/9/2020).

Áp dụng Khoản 1 Điều 178, Điều 65, điểm b, h, i, s, Khoản 1 Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo: Lương Văn T (C) 10 (mười) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án (17/9/2020).

Giao bị cáo Bùi Trần Quốc T (N), Lương Văn T (C) cho UBND xã BC, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

(Đã giải thích chế định án treo).

2. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 buộc bị cáo Bùi Trần Quốc T (N) và bị cáo Lương Văn T (C), mỗi bị cáo phải nộp số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Sở tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- + Phòng PC10.
- + Phòng PV06.
- VKSND huyện XM;
- Công an huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thảo